

Số: 1114 /QĐ-ĐHTN

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 06 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành “Quy hoạch đào tạo viên chức giai đoạn 2024-2028”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1945/QĐ-ĐHTN-TCCB ngày 05/10/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành Quy định về công tác quản lý trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Thông báo số 994/TB-ĐHTN ngày 11/05/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức giai đoạn 2019-2023 và xây dựng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức giai đoạn 2024-2028, tầm nhìn đến năm 2035;

Căn cứ Thông báo số 1223/TB-ĐHTN ngày 16/06/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc kết quả thực hiện quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức giai đoạn 2019-2023 và xét quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức giai đoạn 2024-2028;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Quy hoạch đào tạo viên chức giai đoạn 2024-2028” (có phụ lục danh sách kèm theo).

Điều 2. Lãnh đạo các đơn vị có trách nhiệm theo dõi, quản lý, nhắc nhở, khuyến khích, tạo điều kiện sắp xếp công việc để cá nhân thực hiện quy hoạch đào tạo đúng thời hạn.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, lãnh đạo các đơn vị liên quan và các viên chức có tên trong danh sách tại **Điều 1** chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *HL*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đảng ủy (để b/c);
- Công đoàn (để b/c);
- Website Trường;
- Lưu: VT, TCCB. (N5)



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thanh Trúc

Phụ lục
DANH SÁCH VIÊN CHỨC QUY HOẠCH ĐÀO TẠO GIAI ĐOẠN 2024 - 2028
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1114 /QĐ-ĐHTN ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Năm sinh	Chức danh NNVC	Trình độ chuyên môn	Quy hoạch đào tạo giai đoạn 2024-2028			Ghi chú
						Thạc sĩ	Tiến sĩ	Nơi ĐT (*)	
1	Nguyễn Thị Vân Anh	BM Nội nhiễm, Khoa CNTY	1982	GV	ThS		2025		
2	Trần Thị Thanh Vân	BM Nội nhiễm, Khoa CNTY	1985	GV	ThS		2027		
3	Bùi Thị Như Linh	BM Sinh học vật nuôi, Khoa CNTY	1982	GV	ThS		2024		
4	Mai Thị Xoan	BM Sinh học vật nuôi, Khoa CNTY	1986	GV	ThS		2024		
5	Hồ Nguyễn Thị Huyền Trân	BM Sinh học vật nuôi, Khoa CNTY	1988	GV	ThS		2026		
6	Nguyễn Văn Trọng	BM Ngoại sản ký sinh, Khoa CNTY	1987	GV	ThS		2024	NN	
7	Lương Huỳnh Việt Thắng	BM Ngoại sản ký sinh, Khoa CNTY	1983	GV	ThS		2024		
8	Hoàng Thị Anh Phương	BM Cơ sở thú y, Khoa CNTY	1986	GV	ThS		2024		
9	Nguyễn Quốc Hiếu	BM Cơ sở thú y, Khoa CNTY	1988	GV	ThS		2024		
10	Đặng Thị Phương Thảo	BM Cơ sở thú y, Khoa CNTY	1994	GV	ThS		2026		
11	Lê Bá Thông	BM Toán học, Khoa KHTN&CN	1995	GV	ThS		2024	NN	
12	Nguyễn Thị Ngọc Bích	BM Toán học, Khoa KHTN&CN	1984	GV	ThS		2024		
13	Phan Thị Ngọc Thủy	BM Toán học, Khoa KHTN&CN	1993	TrG	ThS		2026	NN	
14	Nguyễn Đức Thắng	BM CNTT, Khoa KHTN&CN	1989	GV	ThS		2028		
15	Từ Ngọc Thảo	BM CNTT, Khoa KHTN&CN	1990	GV	ThS		2026		
16	Đặng Thị Thùy My	BM Hóa học, Khoa KHTN&CN	1988	GV	ThS		2024		
17	Vũ Bích Thủy	BM Sinh học, Khoa KHTN&CN	1992	GV	ThS		2027		
18	Trần Thị Kim Thi	BM Sinh học, Khoa KHTN&CN	1992	GV	ThS		2025		
19	Vũ Trinh Vương	BM Kinh tế, Khoa Kinh tế	1984	GVC	ThS		2024	NN	
20	Nguyễn Thị Huyền Trang	BM Kinh tế, Khoa Kinh tế	1994	GV	ThS		2027		
21	Phạm Thảo Vy	BM QTKD, Khoa Kinh tế	1991	GV	ThS		2025		
22	Phạm Nghiêh Hồng Ngọc Bích	BM QTKD, Khoa Kinh tế	1992	GV	ThS		2026	NN	
23	Nguyễn Hà Hồng Anh	BM Kế toán, Khoa Kinh tế	1987	GV	ThS		2025		
24	Nguyễn Thị Trà Giang	BM Kế toán, Khoa Kinh tế	1987	GV	ThS		2027		
25	Bùi Thị Thanh Thùy	BM Kế toán, Khoa Kinh tế	1987	GV	ThS		2026	NN	
26	Nguyễn Thị Đức Hiếu	BM Kế toán, Khoa Kinh tế	1988	GV	ThS		2026		
27	Nguyễn Thị Thanh Tý	BM Kế toán, Khoa Kinh tế	1989	GV	ThS		2027		
28	Đỗ Thị Thanh Xuân	BM TTKT, Khoa Kinh tế	1990	GV	ThS		2025	NN	
29	Đặng Thị Thu Vân	BM TTKT, Khoa Kinh tế	1988	GV	ThS		2026		
30	Nguyễn Thị Phương Thảo A	BM TCNN, Khoa Kinh tế	1985	GVC	ThS		2024		
31	Trần Thị Ngọc Hạnh	BM TCNN, Khoa Kinh tế	1987	GV	ThS		2026		
32	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	BM TCNN, Khoa Kinh tế	1992	GV	ThS		2026		
33	Nguyễn Thị Bích Ngọc	BM TCNN, Khoa Kinh tế	1991	GV	ThS		2026		
34	Nguyễn Quang Dương	BM NLCB, Khoa LLCT	1984	GV	ThS		2026		
35	Nguyễn Bảo Lâm	BM NLCB, Khoa LLCT	1986	GV	ThS		2025		
36	Phạm Thị Tâm	BM NLCB, Khoa LLCT	1991	GV	ThS		2027		

TT	Họ và tên	Đơn vị	Năm sinh	Chức danh NNVC	Trình độ chuyên môn	Quy hoạch đào tạo giai đoạn 2024-2028			Ghi chú
						Thạc sĩ	Tiến sĩ	Nơi ĐT (*)	
37	Mai Thị Quế Trâm	BM ĐLCMĐCSVN, Khoa LLCT	1984	Giáo viên	CN	2026			
38	Trần Ngọc Anh	BM NNgữ Anh, Khoa Ngoại ngữ	1988	GV	ThS		2024		
39	Trần Lê Thanh Tú	BM NNgữ Anh, Khoa Ngoại ngữ	1987	GV	ThS		2025		
40	Trần Thị Mai Hương	BM NNgữ Anh, Khoa Ngoại ngữ	1990	GV	ThS		2024		
41	Hoàng Hồng Phượng	BM NNgữ Anh, Khoa Ngoại ngữ	1994	GV	CN	2024			
42	Đoàn Thị Dung	BM PPGD, Khoa Ngoại ngữ	1988	GV	ThS		2024		
43	Hà Lê Hồng Hoa	BM PPGD, Khoa Ngoại ngữ	1989	GV	ThS		2026		
44	Y Cuôr Bkrông	BM PPGD, Khoa Ngoại ngữ	1987	GVC	ThS		2024		
45	Rơ Lan A Nhi	BM NN Pháp, Khoa Ngoại ngữ	1992	GV	ThS		2025		
46	Nguyễn Phương Thảo	BM TACNgành, Khoa Ngoại ngữ	1994	GV	ThS		2027		
47	Bùi Thị Phương Thảo	BM Tiểu học, Khoa SP	1992	GV	ThS		2024		
48	Lê Thị Cẩm Lệ	BM Tiểu học, Khoa SP	1993	GV	ThS		2025		
49	Đoàn Thị Hiền	BM Tiểu học, Khoa SP	1994	GV	CN		2028		
50	Trần Thị Lệ	BM Mầm non, Khoa SP	1982	GV	ThS		2024		
51	Nguyễn Xuân Tuyến	BM Mầm non, Khoa SP	1983	GV	ThS		2027		
52	Đinh Thị Trang	BM Mầm non, Khoa SP	1992	GV	ThS		2025		
53	Bùi Trần Tuyết Hạnh	BM Mầm non, Khoa SP	1988	GV	ThS		2025		
54	Lại Thị Hồng Linh	BM Mầm non, Khoa SP	1995	GV	ThS		2026		
55	Nguyễn Thị Thủy Tiên	BM Mầm non, Khoa SP	1991	GV	ThS		2024		
56	Đỗ Thị Thùy Linh	BM GDTC, Khoa SP	1987	GV	ThS		2024		
57	Bùi Thị Thùy	BM GDTC, Khoa SP	1985	GV	ThS		2024		
58	Phạm Thế Hùng	BM GDTC, Khoa SP	1986	GV	ThS		2024		
59	Vũ Đình Công	BM GDTC, Khoa SP	1988	GV	ThS		2024		
60	Phạm Xuân Trí	BM GDTC, Khoa SP	1987	GV	ThS		2024		
61	Trần Thị Thu	BM GDTC, Khoa SP	1980	GV	ThS		2024		
62	Lê Thị Thảo Nguyên	BM Tâm lý GD, Khoa SP	1991	GV	ThS		2026		
63	Nguyễn Thị Yến Nhung	TT Kỹ năng SP, Khoa SP	1992	GV	ThS		2025		
64	Đoàn Bảo Hân	BM Chức năng, Khoa YD	1995	GV	BS	2024			
65	Phan Vũ Nguyên	BM Chức năng, Khoa YD	1992	GV	BS		2027		
66	Hoàng Thị Thanh Thảo	BM Chức năng, Khoa YD	1986	GV	ThS		2026		
67	Vũ Thị Thu Hương	BM Điều dưỡng, Khoa YD	1987	GV	ThS		2024		
68	Nguyễn Thị Kim Quyên	BM Điều dưỡng, Khoa YD	1982	GV	ThS		2024		
69	Nguyễn Thị Như Quỳnh	BM Điều dưỡng, Khoa YD	1995	GV	CN		2027		
70	Ngư Danh Sơn	BM Điều dưỡng, Khoa YD	1989	GV	CN		2027		
71	Chu Thị Giang Thanh	BM Điều dưỡng, Khoa YD	1987	GV	ThS		2026		
72	Lê Thị Thảo	BM Điều dưỡng, Khoa YD	1995	GV	ThS		2027		
73	Phan Thị Huyền Trang	BM Điều dưỡng, Khoa YD	1988	GV	ThS		2024	NN	
74	Hà Thị Thanh Trang	BM Điều dưỡng, Khoa YD	1994	GV	ThS		2027		
75	Lăng Thị Thu Xuân	BM Điều dưỡng, Khoa YD	1996	GV	BS	2024			
76	Trần Thị Nguyên Đăng	BM Dược, Khoa YD	1987	GV	ThS		2025		
77	Trần Thị Minh Tâm	BM Dược, Khoa YD	1987	GV	ThS		2025		

VÀ
ONG
HOC
GUY

th

TT	Họ và tên	Đơn vị	Năm sinh	Chức danh NNVC	Trình độ chuyên môn	Quy hoạch đào tạo giai đoạn 2024-2028			Ghi chú
						Thạc sĩ	Tiến sĩ	Nơi ĐT (*)	
78	Nguyễn Thanh Thảo	BM Dược, Khoa YD	1987	GV	ThS		2026		
79	Nguyễn Hoàng Anh Thư	BM Dược, Khoa YD	1985	GV	ThS		2027		
80	Ngô Thị Ngọc Yến	BM Dược, Khoa YD	1984	GV	ThS		2024		
81	Đỗ Chí Hoàng	BM Hình thái 1, Khoa YD	1994	GV	BS	2024			
82	Đỗ Thanh Tùng	BM Hình thái 1, Khoa YD	1996	GV	BS	2024			
83	Lê Thị Thùy Ngân	BM Hình thái 1, Khoa YD	1991	GV	BS		2028		
84	Lê Hồng Ngân	BM Hình thái 1, Khoa YD	1993	GV	BS	2024			
85	Trần Song Ngọc Châu	BM LCK hệ Nội 1 - TN, Khoa YD	1994	GV	BS		2028		
86	Đào Trúc Quỳnh Giang	BM LCK hệ Nội 1 - TN, Khoa YD	1996	GV	BS		2028		
87	Nguyễn Thị Mỹ Linh	BM LCK hệ Nội 1 - TN, Khoa YD	1997	GV	BS	2024			
88	Trịnh Bá Hùng Mạnh	BM LCK hệ Nội 1 - TN, Khoa YD	1990	GV	BS		2027		
89	Nguyễn Trần Phương Nhi	BM LCK hệ Nội 1 - TN, Khoa YD	1998	GV	BS	2024			
90	Hoàng Thị Thủy	BM LCK hệ Nội 1 - TN, Khoa YD	1996	GV	BS	2024			
91	Nguyễn Hoàng Mai Uyên	BM LCK hệ Nội 1 - TN, Khoa YD	1995	GV	BS		2028		
92	Nguyễn Đức Minh Dũng	BM LCK hệ Nội 2, Khoa YD	1994	GV	BS		2028		
93	Tào Thị Hoa	BM LCK hệ Nội 2, Khoa YD	1989	GV	ThS		2025		
94	Trương Thị Ánh Linh	BM LCK hệ Nội 2, Khoa YD	1992	GV	ThS		2027		
95	Lê Thị Mơ	BM LCK hệ Nội 2, Khoa YD	1988	GV	ThS		2025		
96	Nguyễn Thị Ngọc	BM LCK hệ Nội 2, Khoa YD	1997	GV	BS		2028		
97	Đặng Thị Xuyên	BM LCK hệ Nội 2, Khoa YD	1987	GV	ThS		2024		
98	Đào Thị Mỹ Châu	BM Mắt, Khoa YD	1994	GV	BS		2028		
99	Nguyễn Đức Vương	BM Mắt, Khoa YD	1988	GV	BS		2027		
100	Bùi Quang Chiến	BM Ngoại, Khoa YD	1985	GV	ThS		2024		
101	Vũ Mạnh Dũng	BM Ngoại, Khoa YD	1997	GV	BS	2024			
102	Nguyễn Hồ Huy Hoàng	BM Ngoại, Khoa YD	1991	GV	ThS		2027		
103	Lê Thanh Lý	BM Ngoại, Khoa YD	1997	GV	BS		2028		
104	Nguyễn Ngọc Thiện	BM Ngoại, Khoa YD	1995	GV	BS		2028		
105	Huỳnh Anh Tuấn	BM Ngoại, Khoa YD	1989	GV	BS.CKI		2027		
106	Tô Hoài Tường	BM Ngoại, Khoa YD	1995	GV	BS	2024			
107	Võ Ngọc Hân	BM Nhi, Khoa YD	1993	GV	BS		2028		
108	Nguyễn Thị Thúy Hằng	BM Nhi, Khoa YD	1990	GV	ThS		2026		
109	Trương Ngô Ngọc Lan	BM Nhi, Khoa YD	1985	GV	ThS		2024		
110	Vũ Thị Thùy Linh	BM Nhi, Khoa YD	1995	GV	ThS		2027		
111	Sử Thị Như Ngọc	BM Nhi, Khoa YD	1991	GV	ThS		2027		
112	Lê Thị Lệ Thủy	BM Nhi, Khoa YD	1987	GV	ThS		2025		
113	Nguyễn Thanh Hiệp	BM Nội, Khoa YD	1993	GV	BS		2028		
114	Lê Thị Yến Linh	BM Nội, Khoa YD	1987	GV	ThS		2025		
115	Nguyễn Hạnh My	BM Nội, Khoa YD	1986	GV	ThS		2027		
116	Đinh Đức Mỹ	BM Nội, Khoa YD	1997	GV	BS	2024			
117	Đinh Thị Nhung	BM Nội, Khoa YD	1996	GV	BS		2028		
118	Nguyễn Ngọc Hưng Duy	BM Răng hàm mặt, Khoa YD	1997	GV	BS		2028		



Handwritten signature/initials in blue ink.

TT	Họ và tên	Đơn vị	Năm sinh	Chức danh NNVC	Trình độ chuyên môn	Quy hoạch đào tạo giai đoạn 2024-2028			Ghi chú
						Thạc sĩ	Tiến sĩ	Nơi ĐT (*)	
119	Võ Thị Kim Quyên	BM Răng hàm mặt, Khoa YD	1981	GV	BS.CKI		2025		
120	Mai Ngọc Ba	BM Sản, Khoa YD	1994	GV	ThS		2026		
121	Lê Ngọc Đan Châu	BM Sản, Khoa YD	1988	GV	ThS		2026		
122	Nguyễn Tiến Công	BM Sản, Khoa YD	1988	GV	ThS		2025		
123	Đinh Thị Ngọc Lệ	BM Sản, Khoa YD	1990	GV	ThS		2027		
124	Trần Cẩm Duyên	BM Tai mũi họng, Khoa YD	1985	GV	ThS		2025		
125	Mai Quang Hoàn	BM Tai mũi họng, Khoa YD	1988	GV	ThS		2024		
126	Hoàng Thị Ngọc Diệp	BM Vi ký sinh, Khoa YD	1988	GV	ThS		2027		
127	Võ Nguyễn Thanh Hằng	BM Vi ký sinh, Khoa YD	1996	GV	BS	2024			
128	Nguyễn Thị Bích Nguyên	BM Vi ký sinh, Khoa YD	1986	GV	ThS		2025		
129	Phan Hoàng Thái Bảo	BM Xét nghiệm, Khoa YD	1993	GV	ThS		2026		
130	Nguyễn Thị Vân Dung	BM Xét nghiệm, Khoa YD	1987	GV	ThS		2025		
131	Trần Thị Thu Hiền	BM Xét nghiệm, Khoa YD	1996	GV	CN		2028		
132	Lê Thị Xuân Quyên	BM Xét nghiệm, Khoa YD	1988	GV	ThS		2026		
133	Trương Hoàng Sơn	BM Xét nghiệm, Khoa YD	1996	GV	ThS		2025		
134	Lê Hồng Thủy	BM Xét nghiệm, Khoa YD	1989	GV	ThS		2026		
135	Trần Văn Tuấn	BM Xét nghiệm, Khoa YD	2000	GV	CN	2024			
136	Nguyễn Phan Vân Anh	BM Y tế cộng đồng, Khoa YD	1998	GV	CN		2028		
137	Nguyễn Lê Thanh Huyền	BM Y tế cộng đồng, Khoa YD	1998	GV	BS	2024			
138	Nguyễn Thị Pháp	BM Y tế cộng đồng, Khoa YD	1988	GV	ThS		2026		
139	Triệu Thị Vân	BM Y tế cộng đồng, Khoa YD	1996	GV	CN		2028		
140	Ngô Thế Sơn	BM Lâm nghiệp, Khoa NLN	1985	GV	ThS		2024		
141	Lê Thị Thùy Ninh	BM KH Đất và CT, Khoa NLN	1989	GV	ThS		2025		
142	Elaine Alio	BM KH Đất và CT, Khoa NLN	1992	GV	ThS		2028		
143	Nguyễn Trường Tam	Phòng Thanh tra Pháp chế	1979	GV	ThS		2026		
144	Đỗ Thị Hoài	Phòng TT và TVTS	1994	GV	ThS		2028		
145	Nguyễn Văn Minh	Phòng TCCB	1985	GV	ThS		2024		
146	Lê Thị Kim Tuyền	Phòng TCCB	1988	CV	ThS		2025		
147	Trương Văn Thảo	Trung tâm ĐMST tỉnh Đắk Lắk	1980	GV	ThS		2024		
148	H'Wen Aliô	TT. KHXXH&NVTN	1982	GV	ThS		2027		
149	Y Nei Rah Lan	TT. KHXXH&NVTN	1984	GV	ThS		2026		
150	Trương Hồng Hà	Viện CNSH&MT	1981	GV	ThS		2025		

Tổng số viên chức được quy hoạch đào tạo giai đoạn 2024-2028: 150 viên chức, trong đó quy hoạch đào tạo thạc sĩ trong nước: 16; tiến sĩ trong nước: 126; tiến sĩ nước ngoài: 08.

(*): Trường hợp để trống là đào tạo trong nước; QHĐT nước ngoài: "NN".